

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa,
tỉnh Đồng Nai.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim là đơn vị được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Cơ khí luyện kim - đơn vị trực thuộc Công ty Thép miền Nam (nay là Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP) theo Quyết định số 694 ngày 24 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600869728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 08 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch
Ông Vũ Văn Hiến	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Văn Ích Em	Ủy viên
Ông Nguyễn Thái Thiện	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngô Long	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Hiến	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng ban
Ông Ngô Thế Hiến	Thành viên
Ông Bùi Văn Tương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa,
tỉnh Đồng Nai.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Xuân Sơn
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 08 tháng 07 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		46.491.396.920	43.418.577.560
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.486.115.700	7.060.809.554
111	1. Tiền		4.486.115.700	7.060.809.554
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		19.607.799.264	18.732.036.732
131	1. Phải thu của khách hàng		18.192.867.763	18.405.244.232
132	2. Trả trước cho người bán		1.402.716.565	320.000.000
135	5. Các khoản phải thu khác		12.214.936	6.792.500
140	IV. Hàng tồn kho	4	21.516.041.091	17.073.405.737
141	1. Hàng tồn kho		21.516.041.091	17.073.405.737
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		881.440.865	552.325.537
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		319.671.493	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		512.769.372	366.475.902
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	179.549.635
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	5	49.000.000	6.300.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		14.319.665.855	15.122.769.570
220	II. Tài sản cố định		14.319.665.855	15.122.769.570
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	14.319.665.855	15.061.769.570
222	- Nguyên giá		72.827.195.221	72.357.699.503
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(58.507.529.366)	(57.295.929.933)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	61.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		60.811.062.775	58.541.347.130

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		23.044.111.922	19.642.741.947
310	I. Nợ ngắn hạn		23.044.111.922	19.642.741.947
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	7	8.333.515.000	7.098.902.000
312	2. Phải trả người bán		7.131.201.443	4.230.092.092
313	3. Người mua trả tiền trước		2.251.086.172	1.507.734.443
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8	223.787.223	141.539.336
315	5. Phải trả người lao động		4.234.197.966	6.082.019.968
316	6. Chi phí phải trả		16.200.000	92.870.999
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	9	674.451.705	422.704.196
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		179.672.413	66.878.913
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		37.766.950.853	38.898.605.183
410	I. Vốn chủ sở hữu	10	37.766.950.853	38.898.605.183
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		26.000.000.000	26.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		5.563.952.000	4.911.835.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.767.320.000	1.441.262.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.435.678.853	6.545.508.183
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		60.811.062.775	58.541.347.130


Đoàn Thị Thủy
Người lập

Đỗ Xuân Quang
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Sơn
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 08 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11	71.531.290.450	58.983.289.761
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	12	440.280.408	23.499.700
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		71.091.010.042	58.959.790.061
11	4. Giá vốn hàng bán	13	58.746.279.108	50.227.646.401
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.344.730.934	8.732.143.660
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	74.536.746	67.422.659
22	7. Chi phí tài chính	15	193.919.499	158.663.768
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		129.483.344	117.127.590
24	8. Chi phí bán hàng		961.528.338	403.993.229
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		6.601.280.778	4.163.509.926
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.662.539.065	4.073.399.396
31	11. Thu nhập khác		2.701.200	429.400.300
32	12. Chi phí khác		52.785.486	44.550.600
40	13. Lợi nhuận khác		(50.084.286)	384.849.700
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.612.454.779	4.458.249.096
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		345.934.109	401.717.379
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4.266.520.670</u>	<u>4.056.531.717</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16	1.641	1.560


Đoàn Thị Thủy
Người lập

Đỗ Xuân Quang
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Sơn
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 08 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng	6 tháng
			đầu năm 2014	đầu năm 2013
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.612.454.779	4.458.249.096
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.351.599.433	1.135.636.219
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(19.387.500)	(35.902.721)
06	- Chi phí lãi vay		129.483.344	117.127.590
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.074.150.056	5.675.110.184
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(885.206.367)	(258.030.745)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(4.442.635.354)	(4.631.862.549)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.999.750.766	4.439.495.205
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(319.671.493)	(111.799.259)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(129.483.344)	(117.127.590)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(291.721.400)	(144.085.197)
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(865.381.500)	(368.690.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.139.801.364	4.483.010.049
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(548.495.718)	(1.436.252.930)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		19.387.500	35.902.721
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(529.108.218)	(1.400.350.209)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		13.860.927.100	9.854.604.058
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(12.626.314.100)	(5.953.781.293)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.420.000.000)	(2.860.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.185.387.000)	1.040.822.765
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.574.693.854)	4.123.482.605
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		7.060.809.554	2.157.502.615
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	4.486.115.700	6.280.985.220


Đoàn Thị Thủy
Người lập

Đỗ Xuân Quang
Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Sơn
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 08 tháng 07 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim là đơn vị được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Cơ khí luyện kim - đơn vị trực thuộc Công ty Thép miền Nam (nay là Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP) theo Quyết định số 694 ngày 24 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600869728 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 08 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là 26.000.000.000 đồng; tương đương 2.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Chế tạo các sản phẩm cơ khí. Chế tạo, lắp ráp hoàn chỉnh máy móc thiết bị, cụm thiết bị;
- Chế tạo các sản phẩm kết cấu và xây lắp công nghiệp;
- Luyện và đúc các sản phẩm bằng kim loại đen, kim loại màu;
- Bán buôn máy móc thiết bị, bán buôn vật tư các loại, nguyên vật liệu trong ngành cơ khí, luyện kim;
- Xử lý các phế liệu kim loại;
- Phân tích mẫu kim loại;
- Chế tạo, sửa chữa và bảo trì thiết bị cầu trục;
- Cho thuê kho, bãi.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

2.8 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2.15 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính với thuế suất 15% trong thời hạn 12 năm kể từ năm 2007. Công ty được miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2007) và được miễn 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Đối với hoạt động kinh doanh vật tư trong ngành cơ khí, luyện kim xác định theo giấy phép kinh doanh, Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trong thời hạn 10 năm kể từ năm 2007, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ 2007, giảm 50% thuế phải nộp trong thời hạn 6 năm kể từ năm 2009.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	84.600.495	126.302.225
Tiền gửi ngân hàng	4.401.515.205	6.934.507.329
	<u>4.486.115.700</u>	<u>7.060.809.554</u>

4 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.270.124.588	4.995.625.192
Công cụ, dụng cụ	117.835.590	67.875.709
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.511.909.709	3.393.065.558
Thành phẩm	7.616.171.204	8.616.839.278
	<u>21.516.041.091</u>	<u>17.073.405.737</u>

5 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	43.000.000	300.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	6.000.000	6.000.000
	<u>49.000.000</u>	<u>6.300.000</u>

6 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2014	15.031.292.712	45.748.305.474	9.453.586.197	2.124.515.120	-	72.357.699.503
Mua sắm	-	-	546.158.727	63.336.991	-	609.495.718
Thanh lý, nhượng bán	-	(43.000.000)	(97.000.000)	-	-	(140.000.000)
Tại ngày 30/06/2014	15.031.292.712	45.705.305.474	9.902.744.924	2.187.852.111	-	72.827.195.221
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2014	10.111.941.342	39.308.727.998	6.088.269.826	1.786.990.767	-	57.295.929.933
Trích khấu hao	192.315.576	814.488.780	295.327.019	49.468.058	-	1.351.599.433
Thanh lý, nhượng bán	-	(43.000.000)	(97.000.000)	-	-	(140.000.000)
Tại ngày 30/06/2014	10.304.256.918	40.080.216.778	6.286.596.845	1.836.458.825	-	58.507.529.366
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2014	4.919.351.370	6.439.577.476	3.365.316.371	337.524.353	-	15.061.769.570
Tại ngày 30/06/2014	4.727.035.794	5.625.088.696	3.616.148.079	351.393.286	-	14.319.665.855

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 42.899.588.902 đồng

7 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	8.333.515.000	7.098.902.000
Vay ngân hàng	8.333.515.000	7.098.902.000
	8.333.515.000	7.098.902.000
Chi tiết vay ngắn hạn		
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa ⁽¹⁾	8.333.515.000	7.098.902.000
	8.333.515.000	7.098.902.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0132.14/48.05-HMTD ngày 05 tháng 05 năm 2014 với hạn mức tín dụng 12 tỉ đồng, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động và tài trợ thương mại. Thời hạn rút vốn của hợp đồng đến hết ngày 30/04/2015. Thời hạn cho vay là 05 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất vay áp dụng theo thông báo của ngân hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	195.752.045	141.539.336
Thuế Thu nhập cá nhân	28.035.178	-
	223.787.223	141.539.336

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

9 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	56.396.440	52.809.840
Bảo hiểm xã hội	430.880.937	52.809.840
Bảo hiểm y tế	69.539.053	-
Bảo hiểm thất nghiệp	31.069.760	-
Phải trả, phải nộp khác	86.565.515	317.084.516
	674.451.705	422.704.196

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

10 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND			VND	VND	
6 tháng đầu năm 2013							
Tại ngày 01/01/2013	26.000.000.000		4.611.915.000	1.253.812.000		3.784.096.873	35.649.823.873
Lãi trong kỳ	-	-	-	-		4.056.531.717	4.056.531.717
Phân phối lợi nhuận	-	299.920.000		187.450.000		(3.759.760.000)	(3.272.390.000)
Tại ngày 30/06/2013	26.000.000.000		4.911.835.000	1.441.262.000		4.080.868.590	36.433.965.590
6 tháng đầu năm 2014							
Tại ngày 01/01/2014	26.000.000.000		4.911.835.000	1.441.262.000		6.545.508.183	38.898.605.183
Lãi trong kỳ	-	-	-	-		4.266.520.670	4.266.520.670
Phân phối lợi nhuận	-	652.117.000		326.058.000		(6.376.350.000)	(5.398.175.000)
Tại ngày 30/06/2014	26.000.000.000		5.563.952.000	1.767.320.000		4.435.678.853	37.766.950.853

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/014/SDK/ĐHCD ngày 25 tháng 03 năm 2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Số tiền	
	Tỷ lệ %	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	6.545.508.183
Trích Quỹ đầu tư phát triển	9,96%	652.117.000
Trích Quỹ dự phòng tài chính	4,98%	326.058.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12,95%	847.752.000
Chi trả cổ tức (bằng 17% vốn điều lệ)	67,53%	4.420.000.000
Thường Ban điều hành, Ban kiểm soát, HĐQT	1,99%	130.423.000
Lợi nhuận chưa phân phối	2,58%	169.158.183



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	30/06/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	45,00%	11.700.000.000	45,00%	11.700.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	55,00%	14.300.000.000	55,00%	14.300.000.000
	100%	26.000.000.000	100%	26.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	26.000.000.000	26.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	26.000.000.000	26.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	26.000.000.000	26.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.420.000.000	2.860.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	4.420.000.000	2.860.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.600.000	2.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.600.000	2.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.600.000	2.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.600.000	2.600.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.600.000	2.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.563.952.000	4.911.835.000
Quỹ dự phòng tài chính	1.767.320.000	1.441.262.000
	7.331.272.000	6.353.097.000

11 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
Doanh thu bán thành phẩm	70.843.101.550	58.737.154.761
Doanh thu cung cấp dịch vụ	688.188.900	246.135.000
	71.531.290.450	58.983.289.761



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

12 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	407.049.408	23.499.700
Hàng bán bị trả lại	33.231.000	-
	440.280.408	23.499.700

13 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	58.331.712.368	50.046.765.122
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	414.566.740	180.881.279
	58.746.279.108	50.227.646.401

14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	19.387.500	35.902.721
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	55.149.246	31.519.938
	74.536.746	67.422.659

15 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	129.483.344	117.127.590
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	64.436.155	41.536.178
	193.919.499	158.663.768

16 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	4.266.520.670	4.056.531.717
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.266.520.670	4.056.531.717
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.600.000	2.600.000
	1.641	1.560

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

17 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.742.657.036	36.066.062.349
Chi phí nhân công	18.265.693.741	14.870.380.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.351.599.433	1.135.636.219
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.765.983.471	4.712.182.548
Chi phí khác bằng tiền	1.635.659.880	1.832.790.347
	69.761.593.561	58.617.052.263

18 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.486.115.700	-	7.060.809.554	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.205.082.699	-	18.412.036.732	-
	22.691.198.399	-	25.472.846.286	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	8.333.515.000	7.098.902.000
Phải trả người bán, phải trả khác	7.805.653.148	4.652.796.288
Chi phí phải trả	16.200.000	92.870.999
	16.155.368.148	11.844.569.287

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ LUYỆN KIM

Đường số 2, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.486.115.700	-	-	4.486.115.700
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.205.082.699	-	-	18.205.082.699
	<u>22.691.198.399</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>22.691.198.399</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.060.809.554	-	-	7.060.809.554
Phải thu khách hàng, phải thu khác	18.412.036.732	-	-	18.412.036.732
	<u>25.472.846.286</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>25.472.846.286</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2014				
Vay và nợ	8.333.515.000	-	-	8.333.515.000
Phải trả người bán, phải trả khác	7.805.653.148	-	-	7.805.653.148
Chi phí phải trả	16.200.000	-	-	16.200.000
	16.155.368.148	-	-	16.155.368.148
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	7.098.902.000	-	-	7.098.902.000
Phải trả người bán, phải trả khác	4.652.796.288	-	-	4.652.796.288
Chi phí phải trả	92.870.999	-	-	92.870.999
	11.844.569.287	-	-	11.844.569.287

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

19 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

20 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 do Công ty lập, các báo cáo này chưa được soát xét



Đoàn Thị Thủy
Người lập



Đỗ Xuân Quang
Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Sơn
Tổng Giám đốc

Biên Hòa, ngày 08 tháng 07 năm 2014